

Ngày 30/09/2025	6,100 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	15.1%	13.0%	13.0%

	Q3/25	
ROE	2.2%	+/- YoY ▼ 2.1%

	Q3/25		
DT thuần	8.68	QoQ	YoY
		▼ 2.72	▼ 2.12
		▼ 23.8%	▼ 19.6%
	tỷ VNĐ		

	9T 2025	
DT thuần	31.6	YoY
		▼ 5.00
		▼ 13.5%
	tỷ VNĐ	

	Q3/25		
LN gộp	4.58	QoQ	YoY
		▲ 2.51	▼ 1.26
		▲ 121%	▼ 21.5%
	tỷ VNĐ		

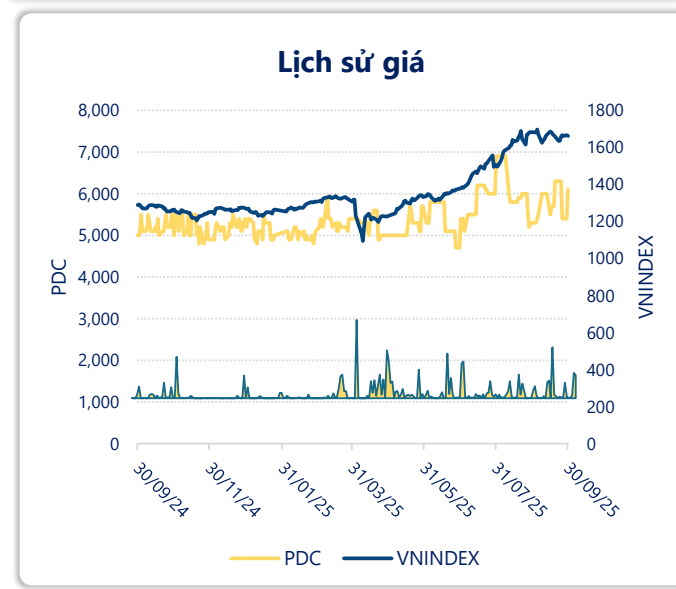
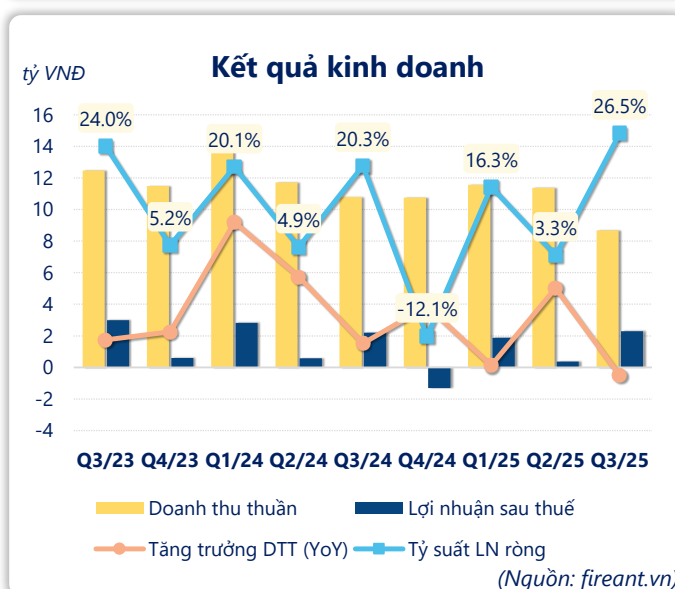
	9T 2025	
LN gộp	12.2	YoY
		▼ 1.20
		▼ 8.8%
	tỷ VNĐ	

	Q3/25		
LN thuần	2.88	QoQ	YoY
		▲ 1.97	▲ 0.66
		▲ 216%	▲ 29.5%
	tỷ VNĐ		

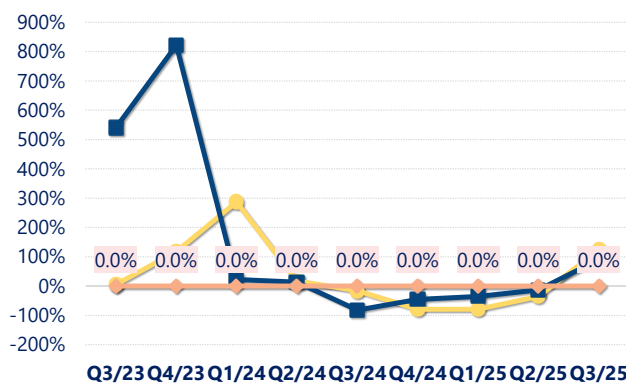
	9T 2025	
LN thuần	5.67	YoY
		▲ 0.37
		▲ 7.0%
	tỷ VNĐ	

	Q3/25		
LN sau thuế	2.30	QoQ	YoY
		▲ 1.92	▲ 0.10
		▲ 505%	▲ 4.5%
	tỷ VNĐ		

	9T 2025	
LN sau thuế	4.56	YoY
		▼ 1.03
		▼ 18.3%
	tỷ VNĐ	



Tăng trưởng lợi nhuận

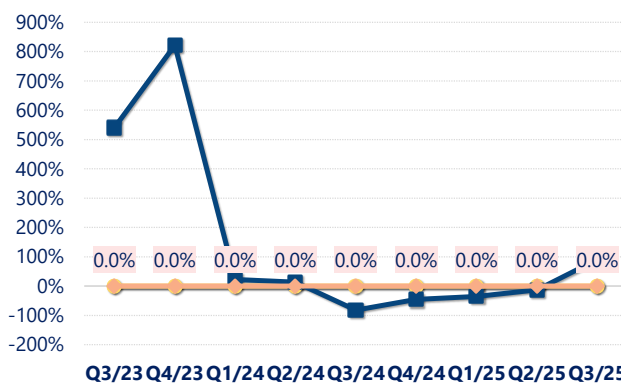


Q3/23 Q4/23 Q1/24 Q2/24 Q3/24 Q4/24 Q1/25 Q2/25 Q3/25

— Tăng trưởng LN thuần (YoY) — Tăng trưởng EBIT (YoY)
— Tăng trưởng LN sau thuế (YoY)

(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng chi phí

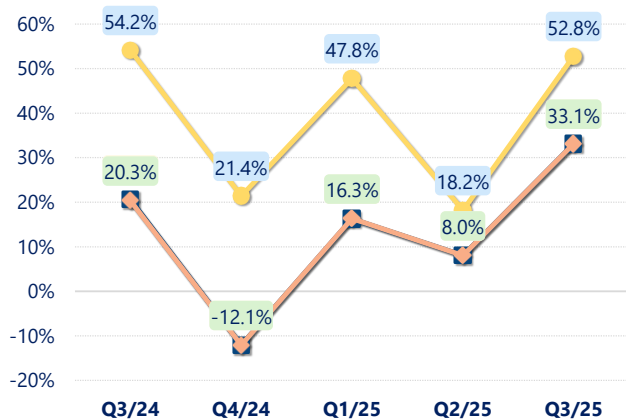


Q3/23 Q4/23 Q1/24 Q2/24 Q3/24 Q4/24 Q1/25 Q2/25 Q3/25

— Tăng trưởng CP lãi vay (YoY) — Tăng trưởng EBIT (YoY)
— Tăng trưởng LN sau thuế (YoY)

(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận

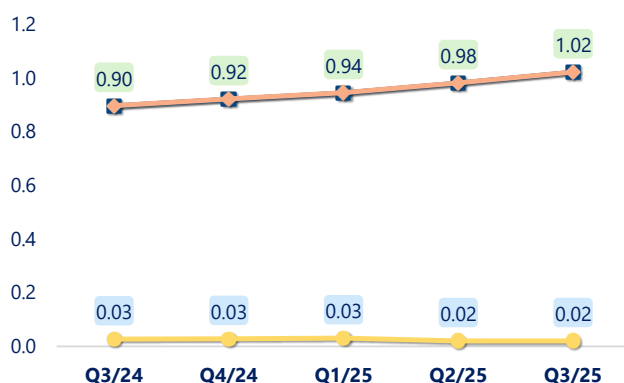


Q3/24 Q4/24 Q1/25 Q2/25 Q3/25

— Tỷ suất LN gộp — Tỷ suất LN thuần — Tỷ suất lãi EBIT

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

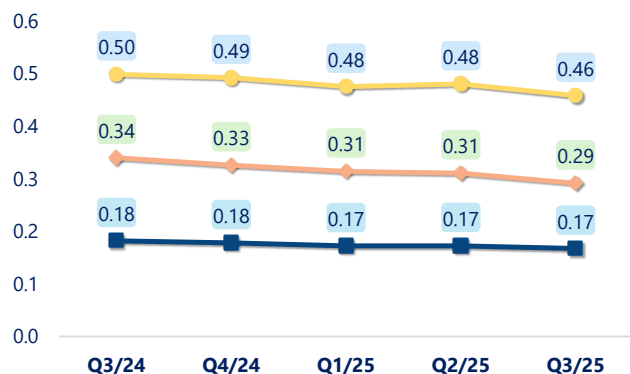


Q3/24 Q4/24 Q1/25 Q2/25 Q3/25

— Tỷ số thanh toán tiền mặt — Tỷ số thanh toán nhanh
— Tỷ số thanh toán hiện hành

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

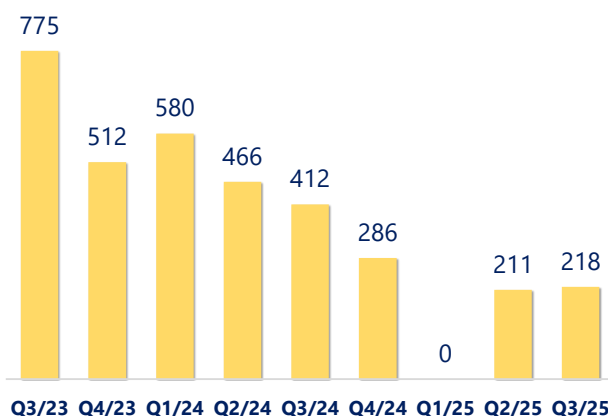


Q3/24 Q4/24 Q1/25 Q2/25 Q3/25

— Vòng quay TSCĐ — Vòng quay Tổng TS
— Vòng quay VCSH

(Nguồn: fireant.vn)

EPS



Q3/23 Q4/23 Q1/24 Q2/24 Q3/24 Q4/24 Q1/25 Q2/25 Q3/25

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	8.68	10.8	-19.6%	31.6	36.6	-13.5%
Giá vốn hàng bán	4.10	4.95	-17.2%	19.4	23.2	-16.2%
Lợi nhuận gộp	4.58	5.84	-21.5%	12.2	13.4	-8.8%
Doanh thu HĐTC	0.00	0.00		0.00	0.01	-59.0%
Chi phí TC	0	0.00		0	0.19	-100%
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	0	
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	0.12	0.15	-17.0%	0.41	0.54	-23.6%
Chi phí QLDN	1.59	3.47	-54.3%	6.11	7.35	-16.9%
LN thuần từ HĐKD	2.88	2.22	29.5%	5.67	5.30	7.0%
Lợi nhuận khác	0.00	-0.03	100%	0.01	0.29	-98.2%
LN trước thuế	2.88	2.20	30.7%	5.67	5.59	1.6%
Lợi nhuận sau thuế	2.30	2.20	4.5%	4.56	5.59	-18.3%
LNST của CĐ cty mẹ	2.30	2.20	4.5%	4.56	5.59	-18.3%

(Nguồn: fireant.vn)

